

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL SOLUTION P&T
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL SOLUTION P&T

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GLOBAL SOLUTION P&T JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GLOBAL SOLUTION P&T .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108685937

3. Ngày thành lập: 04/04/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 6, tòa nhà Việt Á, số 9, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0962 604 858

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (Điều 3, Điều 4 Nghị định 93/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện sản xuất mỹ phẩm Điều 12, Điều 13 Nghị định 155/2018/NĐ-CP sửa đổi quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế)	2023
2.	Đóng tàu và cấu kiện nổi Chi tiết: - Sửa chữa và đóng mới tàu thuyền; - Tư vấn, thiết kế tàu cá; - Buôn bán sơn, xam và vật tư sửa chữa tàu cá	3011
3.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4610
4.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Loại trừ các loại nhà nước cấm)	4620
5.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
6.	Bán buôn thực phẩm (Loại trừ bán hàng thủy hải sản, thịt gia súc, gia cầm tươi sống và sơ chế tại trụ sở)	4632
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649

8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
9.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn dầu mỡ nhờn, dầu bôi trơn (trừ dầu mỡ phế thải)	4661
10.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Loại trừ vàng)	4662
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn thiết bị giáo dục, giấy, nguyên liệu ngành in, bìa carton, các sản phẩm nhựa, nguyên liệu từ nhựa	4669
13.	Bán buôn tổng hợp	4690
14.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
15.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
16.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
17.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
18.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; - Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).	4799
19.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành (Điều 5, 11, 12, 13, 16 Nghị định 86/2014/NĐ-CP kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4921
20.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
21.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
22.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: vận tải hành khách bằng taxi	4931

23.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, theo hợp đồng - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
24.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác	4933
25.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương (Điều 242 Bộ luật hàng hải 2015 Điều 4, 5, 6, 7, 11, 12 Nghị định 160/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 147/2018/NĐ-CP)	5011
26.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
27.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa (Điều 242 Bộ luật hàng hải 2015 Điều 4, 5, 6, 7, 11, 12 Nghị định 160/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 147/2018/NĐ-CP)	5021
28.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Điều 10 Nghị định 110/2014/NĐ-CP quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa)	5022
29.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Loại trừ kinh doanh bất động sản)	5210
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
31.	Bốc xếp hàng hóa (Loại trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: - Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ - Hoạt động cứu hộ đường bộ	5225
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Môi giới thuê tàu biển - Logistics - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;	5229

34.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; - Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ tốc ký công cộng; - Địa chỉ mã vạch; - Dịch vụ sắp xếp thư; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa - Tư vấn xuất nhập khẩu hàng hóa công ty kinh doanh Loại trừ: - Dịch vụ lấy lại tài sản; Dịch vụ báo cáo tòa án hoặc ghi tốc ký; Hoạt động đấu giá độc lập	8299
36.	Đào tạo sơ cấp	8531
37.	Đào tạo trung cấp	8532
38.	Đào tạo cao đẳng	8533
39.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
40.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục, - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, - Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, - Dịch vụ kiểm tra giáo dục, - Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên. (Điều 106 – Nghị định 46/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/04/2017 quy định về Điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục)	8560(Chính)

41.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (Điều 3 Nghị định 128/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa)	3315
42.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
43.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
44.	Dịch vụ đóng gói	8292
45.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Giám định, kiểm định chất lượng hàng hóa	7120

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 50.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ HÀ PHƯƠNG	Phòng 310, Tập Thể D5, ngõ 45 Tô Hiệu, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	3.000.000.000	60,000	022079000627	
			Tổng số	30.000	3.000.000.000	60,000		
2	VŨ HỮU TÂM	Khu 1, Phường Phong Cốc, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	500.000.000	10,000	100785004	
			Tổng số	5.000	500.000.000	10,000		
3	ĐỖ THỊ THANH THỦY	Số nhà 560 Lê Thánh Tông, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	1.500.000.000	30,000	031579349	
			Tổng số	15.000	1.500.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ HÀ PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 16/08/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 022079000627

Ngày cấp: 15/03/2016

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phòng 310, Tập Thể D5, ngõ 45 Tô Hiệu, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 310, Tập Thể D5, ngõ 45 Tô Hiệu, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội